

-는 게 좋겠다

nên, tốt hơn là

Khuyến một hướng hành động. Được tạo từ -는 것 cộng với 좋겠다 — nghĩa đen là “làm việc đó thì sẽ tốt.”

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ	-는 게 좋겠다	가다 → 가는 게 좋겠어요
Kết thúc bằng ㄹ	ㄹ ≡ bị lược bỏ	만들다 → 만드는 게 좋겠어요
Khuyến không nên	안 + động từ	안 가는 게 좋겠어요
Dạng đầy đủ	-는 것이 좋겠다	가는 것이 좋겠습니다
Với người trên	-(으)시는 게	가시는 게 좋을 것 같습니다
Không bao giờ chia thì	gốc từ + 는	갔는 게 좋겠어요 là sai

Khi nào dùng

Gắn -는 vào gốc động từ, rồi thêm 게 좋겠다. 게 là dạng rút gọn của 것이. Gốc từ kết thúc bằng ㄹ sẽ bỏ ㄹ: 만드는 게 좋겠어요.

Thành phần -겠- bên trong có vai trò thực sự. 좋아요 nêu một sự thật về điều tốt; 좋겠어요 trình bày nó như nhận định của bạn, và chính điều đó biến câu thành lời gợi ý chứ không phải lời phán quyết.

Nó nhẹ nhàng hơn -아/어야 되다, vốn nói rằng việc gì đó là bắt buộc. Khi khuyên bạn bè đi khám bệnh, 병원에 가는 게 좋겠어요 là gợi ý; 병원에 가야 돼요 là khẳng định.

Để khuyên không nên làm gì, hãy phủ định động từ đầu: 안 가는 게 좋겠어요.

Ví dụ trong câu

- 1

많이 아프면 병원에 가는 게 좋겠어요.
Nếu đau nhiều thì bạn nên đi khám bác sĩ.
- 2

비가 오니까 우산을 가져가는 게 좋겠어요.
Trời đang mưa, bạn nên mang theo ô.
- 3

오늘은 일찍 자는 게 좋겠어요.
Tối nay bạn nên đi ngủ sớm.
- 4

그 이야기는 안 하는 게 좋겠어요.
Tốt hơn là đừng nhắc đến chuyện đó.
- 5

저녁은 집에서 만드는 게 좋겠어요.
Tốt hơn là nấu bữa tối ở nhà.
- 6

지금 출발하시는 게 좋겠습니다.
Tốt nhất là đi ngay bây giờ.

So sánh với

-아/어야 되다
-아/어야 되다 nêu yêu cầu bắt buộc; -는 게 좋겠다 đưa ra lời khuyên. Cái đầu không cho phép từ chối.
병원에 가야 돼요. (bạn phải đi) / 병원에 가는 게 좋겠어요. (bạn nên đi)

-(으)세요
Câu mệnh lệnh ra chỉ thị; cấu trúc này đưa ra lời khuyên. Khi bạn không ở vị trí có thể ra lệnh, dạng mềm hơn an toàn hơn.
일찍 주무세요. (hãy ngủ sớm đi) / 일찍 자는 게 좋겠어요. (bạn nên ngủ sớm thì hơn)

-(으)ㄹ 것 같다
Khi khuyên người trên, bọc lời gợi ý trong 것 같다 sẽ mềm hơn nữa. Khuyên thẳng người trên là chuyện tế nhị trong tiếng Hàn.
가는 게 좋겠어요. (với người ngang hàng) / 가시는 게 좋을 것 같습니다. (với cấp trên)

Lưu ý

- ✗

저녁을 만들는 게 좋겠어요.
- 저녁을 만드는 게 좋겠어요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ bỏ ㄹ trước -는, giống như trong toàn bộ hệ thống bỏ nghĩa.
- ✗

어제 병원에 갔는 게 좋겠어요.
- 어제 병원에 갔어야 했어요.
Cấu trúc này chỉ khuyên về việc sắp làm, nên không có dạng quá khứ. Với việc lẽ ra phải làm mà không làm, dùng -았/었어야 하다.
- ✗

사장님, 지금 가는 게 좋겠어요.
- 사장님, 지금 가시는 게 좋을 것 같습니다.
Khuyến cấp trên cần kính ngữ -(으)시- và thêm yếu tố làm mềm. Khuyên thẳng người trên có thể nghe tự phụ.